| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PHỦ LÝ**<br>**TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2025
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Khoát và bà Nguyễn Thị Huê.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa***: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

***1/ Nguyên đơn:*** Anh Hoàng G, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

***2/ Bị đơn:*** Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà 43, đường Đ, tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa vắng mặt anh Hoàng G có lý do; vắng mặt chị Đoàn Thị N không có lý do).

**NHẬN THẤY**

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng G trình bày:

Anh và chị Đoàn Thị N kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/3/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã L (nay là phường T), thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Nay anh

xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đoàn Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng T, sinh ngày 30/9/2016 và cháu Hoàng Trâm A, sinh ngày 26/8/2018, hiện cả hai cháu đang ở với anh G. Khi ly hôn anh G xin được nuôi cả cháu, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con nuôi, con riêng: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

* Bị đơn chị Đoàn Thị N: Quá trình giải quyết vụ án chị N luôn vắng mặt, không chấp hành giấy triệu tập của Toà án nên không có quan điểm trình bày. Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú xác định chị Đoàn Thị N có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại số nhà 43, đường Đ, tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Toà án đã đến tận gia đình để làm việc và giao các văn bản tố tụng cho chị N, tuy nhiên chị N không có nhà, mẹ đẻ của chị N là bà Phạm Thị N cho biết chị N đi làm từ sáng đến tối mới về, bà không biết chuyện của anh chị và bà từ chối làm việc với Tòa án cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay chị N.

* Quan điểm của cháu Hoàng T: Cháu là con của bố G và mẹ N, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn anh Hoàng G vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng G. Xử ly hôn giữa anh Hoàng G và chị Đoàn Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng T, sinh ngày 30/9/2016 và cháu Hoàng Trâm A, sinh ngày 26/8/2018; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng G phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Đoàn Thị N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa anh Hoàng G và chị Đoàn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Hoàng G vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đoàn Thị N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Hoàng G và chị Đoàn Thị N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2016 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng G, HĐXX thấy rằng:

Sau kết hôn anh Giang và chị N chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh G trình bày là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho ly hôn giữa anh Hoàng G và chị Đoàn Thị N là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng T, sinh ngày 30/9/2016 và cháu Hoàng Trâm A, sinh ngày 26/8/2018, hiện cả hai cháu đang ở với anh G, khi ly hôn anh G xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, hiện tại các cháu đều đang do anh G chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống rất ổn định, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu đều do anh G chăm sóc; quá trình giải quyết vụ án chị N đều vắng mặt nên không có quan điểm. Do đó, để ổn định cuộc sống của các cháu, cần giao cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Hoàng T và cháu Hoàng Trâm A, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con nuôi, con riêng: Không có, anh G không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, anh G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng G phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1/** Xử cho ly hôn giữa anh Hoàng G và chị Đoàn Thị N.

**2/** Về con chung: Giao cho anh Hoàng G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Hoàng T, sinh ngày 30/9/2016 và cháu Hoàng Trâm A, sinh ngày 26/8/2018 kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đoàn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3/** Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng G phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002143 ngày 04/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh G đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Hoàng G và chị Đoàn Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường Tân Liêm, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Ngân**